

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS - ST

Ngày: 27 - 9 - 2023

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt;
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-DS ngày 06/7/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST- DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2 L, phường Th, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Ch - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S. (Theo Quyết định về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN ngày 01/12/2022 của ông Phạm Toàn V). Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Di, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1977 và chị Đinh Thị T, sinh năm 1981.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị H - Cán bộ hưu trí thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Vào ngày 31/8/2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T ký hợp đồng tín dụng số 4505LAV201802665 (sổ vay vốn) về việc cho anh Q, chị T vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả gốc cuối cùng ngày 31/8/2021, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 16.5%/năm, hạn trả lãi 12 tháng/1 lần, mục đích vay mua keo khai thác. Để làm tin cho khoản vay, anh Q và chị T tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 301671, vào sổ số CH00371 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T ngày 30/6/2014, diện tích 1018,6m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng để tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Q và chị T không thực hiện đúng cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu anh, chị trả nợ và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/9/2023 anh Q, chị T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng vay số 4505LAV201802665 ngày 31/8/2018 tổng số tiền là 72.443.893đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng, lãi trong hạn là 16.732.934đồng, lãi quá hạn là 5.710.959đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là 72.443.893đồng; trong đó: Nợ gốc là 50.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 16.732.934đồng, lãi quá hạn là 5.710.959đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định tại sổ vay vốn số 4505LAV201802665 ngày 31/8/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ hoàn trả lại cho anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 301671, vào sổ số CH00371 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, diện tích 1018,6m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi anh Q và chị T trả hết số tiền cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q và chị T vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là cá nhân ký hợp đồng vay với mục đích mua keo khai thác, vì vậy đây là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng anh Q, chị T vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có tại hồ sơ thì vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T có vay vốn của Ngân hàng theo sổ vay vốn số 4505LAV201802665 ngày 31/8/2018, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả lãi 12 tháng/1 lần, hạn trả gốc ngày 31/8/2021, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn 16.5%, mục đích vay mua keo khai thác.

Để làm tin cho khoản vay, anh Q và chị T tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 301671, vào sổ số CH00371 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T ngày 30/6/2014, diện tích 1018,6m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng để tín chấp.

Trong quá trình vay vốn, anh Q và chị T không trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận như đã cam kết trả nợ theo sổ vay vốn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023) anh Q, chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 72.443.893đồng; trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng, lãi trong hạn là 16.732.934đồng và lãi quá hạn là 5.710.959đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T phải thanh toán số tiền nợ trên (tính đến ngày 27/9/2023) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại sổ vay vốn số 4505LAV201802665 ngày 31/8/2018 là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 301671, vào sổ số CH00371 do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà cấp cho hộ anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T ngày 30/6/2014, diện tích 1018,6m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã tín chấp, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Q, chị T sau khi anh Q và chị T trả hết số tiền cho Ngân hàng.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi đối với vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T.

Buộc vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2023) là 72.443.893 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*); trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.732.934 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.710.959 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2023) cho đến khi thi hành án xong khoản nợ anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hồ sơ vay vốn số 4505LAV201802665 ngày 31/8/2018 đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi.

3. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi hoàn trả lại cho anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 301671, vào sổ số CH00371 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 30/6/2014, diện tích 1018,6m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi anh Q, chị T trả hết số tiền cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị T phải nộp số tiền 3.622.194 đồng. Hoàn lại trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S số tiền 1.760.052 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005092 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Mến